

ẢNH HƯỞNG CỦA CSR ĐẾN SỰ GẮN KẾT DU KHÁCH, VAI TRÒ ĐIỀU TIẾT CỦA LÒNG MANG ƠN MÔI TRƯỜNG

Trịnh Thị Hồng Minh^{1*}, Nguyễn Lâm Nguyễn¹, Ngô Gia Hân¹, Lê Hồ Mỹ Ngân¹, Nguyễn Thành Nam¹, Nguyễn Đình Khôi¹

¹Trường đại học Tài chính - Marketing

*Tác giả liên hệ: Email: phuchhantran@ufm.edu.vn

Ngày nhận bài: 04/07/2025

Ngày chấp nhận: 22/07/2025

Ngày đăng: 25/04/2026

DOI: 10.52932/jfmr.v17i2.1012

Phụ lục 1. Thang đo sử dụng

Trách nhiệm xã hội liên quan đến Môi trường (Mohammed và cộng sự, 2019)

Điểm đến du lịch sinh thái rừng ngập mặn thực hiện các chương trình đặc biệt và sử dụng cơ sở vật chất liên quan để...

CSR1: tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả, đồng thời sử dụng năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời và gió.

CSR2: nâng cao an ninh công cộng, phòng cháy chữa cháy và an toàn thực phẩm.

CSR3: giảm tiêu thụ, ví dụ như giảm sử dụng hàng tiêu dùng một lần.

CSR4: có thiết kế thân thiện với môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, địa điểm văn hóa và lịch sử.

CSR5: thúc đẩy bảo vệ môi trường và khái niệm tiêu dùng xanh cho khách hàng và tham gia các hoạt động liên quan.

Trách nhiệm xã hội liên quan đến Xã hội (Mohammed và cộng sự, 2019)

Điểm đến du lịch sinh thái rừng ngập mặn...

CRS1: đóng góp vào các chiến dịch và dự án thúc đẩy hạnh phúc của xã hội.

CRS2: đầu tư để tạo ra một cuộc sống tốt đẹp hơn cho các thế hệ tương lai.

CRS3: hướng đến tăng trưởng bền vững, quan tâm đến các thế hệ tương lai.

Giá trị cảm nhận (Peña và cộng sự, 2012; Shen và cộng sự, 2021)

PV1: Trải nghiệm của tôi tại điểm du lịch sinh thái rừng ngập mặn rất tốt.

PV2: Tôi hài lòng với giá trị mà tôi nhận được từ điểm du lịch sinh thái rừng ngập mặn.

PV3: Trong quá trình du lịch, tôi đã có khoảng thời gian thư giãn.

PV4: Trong thời gian du lịch, tôi đã học được cách đánh giá cao tầm quan trọng của việc bảo tồn môi trường.

Sự gắn kết du khách (Rather và cộng sự, 2022)

CGE1: Việc ghé thăm điểm đến du lịch sinh thái rừng ngập mặn này khiến tôi suy nghĩ về nó.

CGE2: Tôi thường nghĩ về điểm đến du lịch sinh thái rừng ngập mặn này khi đang du lịch.

CGE3: Việc ghé thăm điểm đến du lịch sinh thái rừng ngập mặn này kích thích sự quan tâm của tôi để tìm hiểu thêm về nó.

AFE1: Tôi cảm thấy rất tích cực khi tôi ghé thăm điểm đến du lịch sinh thái rừng ngập mặn này.

AFE2: Việc ghé thăm điểm đến du lịch sinh thái rừng ngập mặn này làm tôi cảm thấy hạnh phúc.

AFE3: Tôi cảm thấy tốt khi tôi đến thăm điểm đến du lịch sinh thái rừng ngập mặn này.

AFE4: Tôi cảm thấy tự hào khi ghé thăm điểm đến du lịch sinh thái rừng ngập mặn này.

BEE1: Tôi đã dành nhiều thời gian để ghé thăm điểm đến du lịch sinh thái rừng ngập mặn này

BEE2: Tôi thường đến điểm đến du lịch sinh thái rừng ngập mặn này.

BEE3: Tôi ghé thăm điểm đến du lịch sinh thái rừng ngập mặn này nhiều nhất.

Lòng mang ơn môi trường (Sun và Xing, 2022)

EI1: Tôi cảm thấy bản thân có lỗi nếu tôi sử dụng tài nguyên thiên nhiên mà không có hành động hoàn trả

EI2: Tôi nghĩ rằng tất cả mọi người đều chịu trách nhiệm cho những tổn hại đến môi trường.

EI3: Tôi cảm thấy tệ nếu bản thân không thể làm điều tốt cho môi trường.

Phụ lục 2. Cơ cấu mẫu theo các đặc điểm nhân khẩu học

Yếu tố	Đặc điểm	Tần số	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	338	47,7
	Nữ	371	52,3
Độ tuổi	Từ 18 đến dưới 25 tuổi	212	34,55
	Từ 25 đến dưới 35 tuổi	208	29,90
	Từ 35 đến dưới 45 tuổi	177	21,16
	Trên 45 tuổi	112	14,39
Nghề nghiệp	Học sinh - Sinh viên	173	24,4
	Nhân viên doanh nghiệp Nhà nước	173	24,4
	Nhân viên doanh nghiệp ngoài Nhà nước	177	24,9
	Lao động tự do	154	21,7
	Khác	32	4,6
Học vấn	Tốt nghiệp THPT	259	36,5
	Đại học	327	46,1
	Sau đại học	123	17,4
Thu nhập hàng tháng	Dưới 10 triệu đồng	182	25,7
	Từ 10 đến dưới 20 triệu đồng	200	28,2
	Từ 20 đến dưới 30 triệu đồng	154	21,7
	Từ 30 đến dưới 40 triệu đồng	118	16,6
	Trên 40 triệu đồng	55	7,8

Phụ lục 3. Bảng kiểm tra chất lượng biến quan sát

	Outer Loading	Cronbach's Alpha	Composite Reliability	AVE
CSRe		0,846	0,890	0,618
CSRe1	0,786			
CSRe2	0,776			
CSRe3	0,770			
CSRe4	0,775			
CSRe5	0,823			
CSRs		0,773	0,868	0,686
CSRs1	0,833			
CSRs2	0,834			
CSRs3	0,818			
PV		0,766	0,851	0,587
PV1	0,744			
PV2	0,755			
PV3	0,772			
PV4	0,793			
EI		0,703	0,834	0,626
EI1	0,803			
EI2	0,801			
EI3	0,769			
CE		0,915	0,929	0,568
AFE1	0,793			
AFE2	0,802			
AFE3	0,780			
AFE4	0,775			
BEE1	0,721			
BEE2	0,748			
BEE3	0,682			
CGE1	0,764			

	Outer Loading	Cronbach's Alpha	Composite Reliability	AVE
CGE2	0,753			
CGE3	0,712			

Phụ lục 4. Phân tích chỉ số Fornell-Larcker

	CE	CSRe	CSRs	EI	PV
CE	0,754				
CSRe	0,630	0,786			
CSRs	0,596	0,789	0,828		
EI	0,488	0,485	0,473	0,791	
PV	0,454	0,635	0,554	0,564	0,766

Phụ lục 5. Kết quả kiểm định đa cộng tuyến

	CSRe	CSRs	EI	CE	EI*PV	PV
CSRe						2,651
CSRs						2,651
EI				1,704		
EI*PV				1,443		
PV				1,528		

Phụ lục 6. Kết quả mô hình cấu trúc

